

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2024

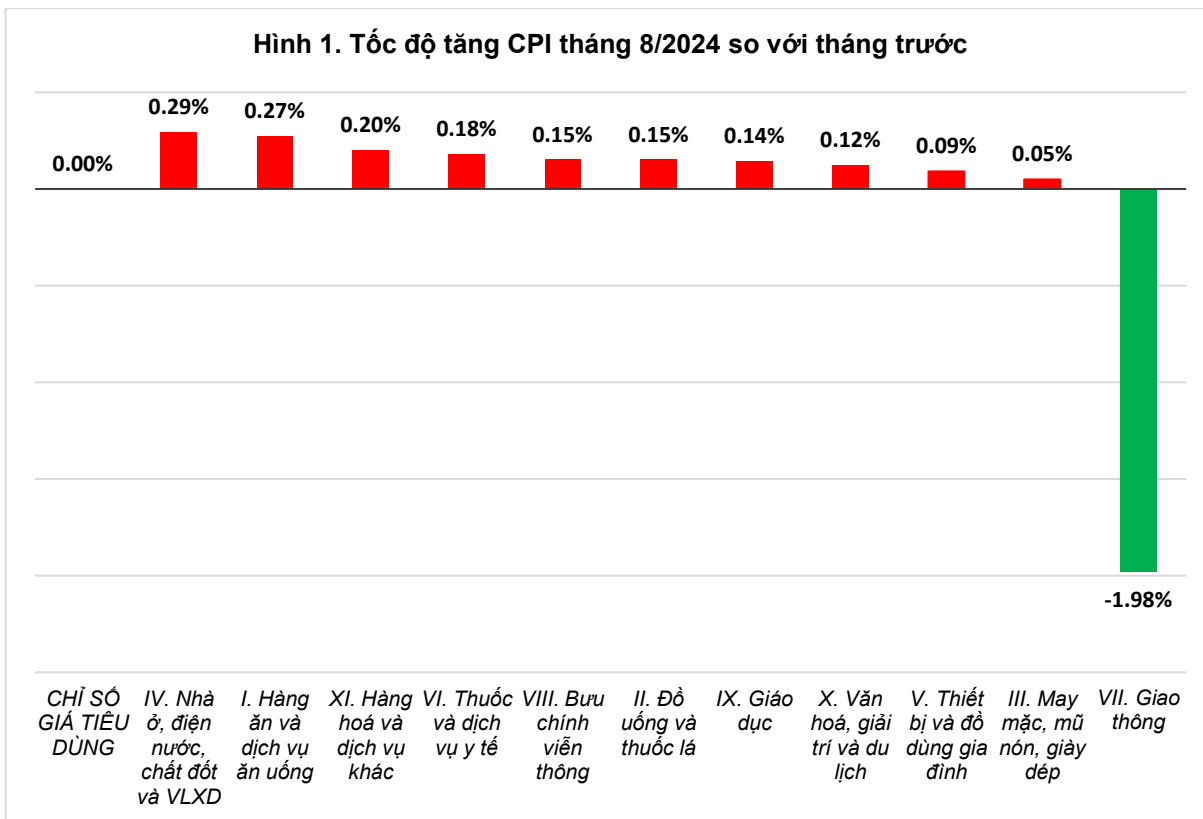
TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG TÁM VÀ 8 THÁNG NĂM 2024

Giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng Tám tăng giảm đan xen, trong đó giá lương thực, thực phẩm, giá nhà ở thuê tăng so với tháng 7/2024, giá xăng dầu trong nước giảm theo giá thế giới. Tính chung tháng 8/2024, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) ổn định so với tháng trước. So với tháng 12/2023, CPI tháng Tám tăng 1,89% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,45%.

Bình quân 8 tháng năm 2024, CPI tăng 4,04% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,71%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 8/2024

So với tháng trước, chỉ số CPI chung cả nước tháng 8/2024 ổn định (khu vực thành thị tăng 0,02%; khu vực nông thôn giảm 0,03%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, giá 10 nhóm hàng tăng nhẹ, riêng nhóm giao thông giảm giá so với tháng trước.



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 8/2024 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,27%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 8/2024 tăng 0,27% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm thực phẩm tăng 0,28%, tác động tăng 0,06 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 0,26%, tác động tăng 0,02 điểm phần trăm; nhóm lương thực tăng 0,19%, tác động tăng 0,01 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (+0,19%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 8/2024 tăng 0,19% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo tăng nhẹ 0,03% (Gạo tẻ thường giảm 0,02%; gạo tẻ ngon tăng 0,19%; gạo nếp tăng 0,24%). Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, cùng với đó vụ lúa hè thu sắp kết thúc cũng ảnh hưởng đến nguồn cung gạo.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 14.800-18.500 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 20.500-23.700 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 22.100-24.000 đồng/kg; giá gạo nếp từ 27.000-41.000 đồng/kg.

Bên cạnh đó, một số mặt hàng lương thực tháng Tám tăng giá so với tháng trước như giá khoai tăng 4,95%; ngô tăng 1,27%; miến tăng 0,31%; bún, bánh phở, bánh đa tăng 0,26%; bột ngô tăng 0,22%; ngũ cốc ăn liền tăng 0,13%.

1.2. Thực phẩm (+0,28%)

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 8/2024 tăng 0,28% so với tháng trước, tăng chủ yếu ở một số mặt hàng sau:

- Giá nhóm rau tươi, khô và chế biến tăng 2,02% do thời tiết mưa, nắng thất thường ảnh hưởng đến nguồn cung rau và nhu cầu tiêu dùng trong tháng ăn chay (Tháng 7 âm lịch) tăng cao. Trong đó, giá cà chua tăng 9,86%; rau muống tăng 3,31%; su hào tăng 2,97%; rau dạm quả, củ tăng 1,88%; rau gia vị tươi, khô các loại tăng 1,35%.

- Giá thịt gia cầm tăng 0,21% do nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Rằm tháng Bảy, trong đó giá thịt gà tăng 0,28%; thịt gia cầm khác tăng 0,03%. Bên cạnh đó, giá trứng các loại tăng 0,27% so với tháng trước do đang vào mùa sản xuất bánh Trung thu.

- Giá đồ gia vị tăng 0,59%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,26%; sữa, bơ, phô mai tăng 0,15%; đường, mật tăng 0,04%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,02%.

- Giá dầu mỡ ăn và chất béo khác tăng 0,13%, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng chuẩn bị cho sản xuất bánh Trung thu tăng.

Bên cạnh các mặt hàng tăng giá, một số mặt hàng thực phẩm trong tháng có giá giảm so với tháng trước:

- Giá thủy sản tươi sống tháng 8/2024 giảm 0,15% do nguồn cung đảm bảo, trong đó giá tôm tươi hoặc ướp lạnh giảm 0,61%; thủy hải sản tươi sống khác giảm 0,16%.

- Giá thịt lợn tháng Tám giảm nhẹ 0,06% do dịch tả lợn châu Phi diễn biến phức tạp tại một số địa phương khiến người tiêu dùng lo lắng về an toàn thực phẩm, nguồn gốc xuất xứ. Tính đến ngày 28/8/2024, giá thịt lợn hơi dao động từ 62.000-66.000 đồng/kg.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,26%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 8/2024 tăng 0,26% so với tháng trước do nhu cầu ăn uống ngoài gia đình trong mùa du lịch tăng cao. Trong đó, giá uống ngoài gia đình tăng 0,45%; ăn ngoài gia đình tăng 0,25%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,16%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,15%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 8/2024 tăng 0,15% so với tháng trước, nguyên nhân chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng của người dân dịp Lễ Vu Lan và trong mùa du lịch cao, cụ thể: Giá nước quả ép tăng 0,42%; nước uống tăng lực tăng 0,29%; thuốc hút tăng 0,25%; bia chai tăng 0,13%; rượu các loại tăng 0,12%.

3. May mặc, mũ nón và giày dép (+0,05%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tháng Tám tăng 0,05% so với tháng trước do nhu cầu mua sắm chuẩn bị bước vào năm học mới tăng. Trong đó, giá giày dép tăng 0,53%; dịch vụ giày, dép tăng 0,44%; dịch vụ may mặc tăng 0,37%; vải các loại tăng 0,25%; mũ nón tăng 0,22%.

4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,29%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng 8/2024 tăng 0,29% so với tháng trước chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Giá thuê nhà tăng 0,45% do nhu cầu thuê nhà tại một số địa phương tăng khi chuẩn bị vào năm học mới.

- Giá gas tăng 0,67%, nguyên nhân là từ ngày 01/8/2024, giá gas trong nước điều chỉnh tăng theo giá gas thế giới.

Bên cạnh đó, một số mặt hàng trong tháng có giá giảm so với tháng trước:

- Giá dầu hỏa giảm 6,02% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

- Giá điện sinh hoạt giảm 0,76%; nước sinh hoạt giảm 0,17%¹ do nhu cầu tiêu dùng giảm khi vào mùa mưa, thời tiết đã bớt nắng, nóng.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,09%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 8/2024 tăng 0,09% so với tháng trước do chi phí nhân công tăng. Trong đó, dịch vụ sửa chữa tủ lạnh tăng 0,64% so với tháng trước; dịch vụ sửa chữa điều hòa nhiệt độ tăng 0,59%; thuê đồ dùng trong gia đình tăng 0,56%; dịch vụ sửa chữa máy giặt tăng 0,48%; sửa chữa thiết bị có động cơ tăng 0,45%; giường, tủ, bàn ghế tăng 0,24%; thuê người phục vụ tăng 0,14%; máy giặt tăng 0,11%.

¹ Chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 8/2024 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 7/2024.

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng có giá giảm so với tháng trước do nhiều cửa hàng tiếp tục áp dụng các chương trình kích cầu mua sắm như: Giá bếp gas giảm 0,89%; máy xay sinh tố, ép hoa quả giảm 0,47%; đệm giảm 0,15%; nồi cơm điện giảm 0,07%; máy hút bụi giảm 0,03%.

6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,18%)

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng Tám tăng 0,18% so với tháng trước, trong đó giá khám chữa bệnh nội trú tăng 0,29%; dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú tăng 0,11%. Nguyên nhân do trong tháng 8/2024 tiếp tục có địa phương triển khai áp dụng giá dịch vụ y tế mới theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp².

7. Giao thông (-1,98%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 8/2024 giảm 1,98% so với tháng trước tác động làm giảm CPI chung 0,19 điểm phần trăm, chủ yếu do:

- Giá dầu diezen giảm 7,05%; giá xăng trong nước giảm 5,83% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

- Giá vận tải hành khách bằng đường sắt giảm 4,09%; xe ô tô đã qua sử dụng giảm 0,28%.

Bên cạnh đó, các nhóm hàng tăng giá:

- Giá phụ tùng ô tô tăng 0,4% do chi phí nhập khẩu linh kiện tăng; giá lốp săm xe máy tăng 0,26%; lốp, săm xe đạp tăng 0,09%.

- Giá dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,91%, trong đó giá sửa chữa xe máy tăng 0,92% và sửa chữa xe đạp tăng 0,51% do chi phí nhân công tăng.

- Phí học lái xe tăng 1,7% do trong tháng 8/2024 có địa phương áp dụng mức học phí đào tạo mới; phí thuê ô tô, xe máy tự lái tăng 0,21%.

8. Bưu chính, viễn thông (+0,15%)

Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông tháng Tám tăng 0,15% so với tháng trước. Trong đó, giá máy điện thoại di động thông thường tăng 0,52%; giá máy điện thoại cố định tăng 0,25%.

9. Giáo dục (+0,14%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng Tám tăng 0,14% so với tháng trước, trong đó giá bút viết các loại tăng 0,5%; sản phẩm từ giấy tăng 0,45%; văn phòng phẩm, đồ dùng học tập khác tăng 0,2%. Bên cạnh đó, giá dịch vụ giáo dục tăng 0,13% do một số trường đại học công lập, trung học dân lập, mầm non tư thục ở một số tỉnh³ tăng học phí năm học 2024-2025.

² Chỉ số giá nhóm dịch vụ y tế tỉnh Nam Định tháng 8/2024 tăng 11,85% so với tháng trước.

³ Một số địa phương có chỉ số giá dịch vụ giáo dục tháng 8/2024 tăng so với tháng trước: Đắk Lắk tăng 6,33%; Vĩnh Phúc tăng 2,91%; Hải Phòng tăng 2,5%; Đồng Nai tăng 0,76%; Hà Nội tăng 0,25%; Hà Tĩnh tăng 0,18%; TP. Hồ Chí Minh tăng 0,07%. Riêng tỉnh Hậu Giang giảm 23,21% theo Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 24/7/2024.

10. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,12%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 8/2024 tăng 0,12% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở các nhóm: Giá dịch vụ du lịch ngoài nước tăng 0,72%; dụng cụ thể dục, thể thao tăng 0,38%; khách sạn, nhà khách tăng 0,24%; xem phim, ca nhạc tăng 0,16%. Ở chiều ngược lại, du lịch trong nước giảm 0,29% do các công ty giảm giá để kích cầu.

11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,2%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 8/2024 tăng 0,2% so với tháng trước. Trong đó, giá dịch vụ hành chính, pháp lý tăng 1,91%; đồ trang sức tăng 1,89%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 0,52%; sửa chữa đồng hồ đeo tay và đồ trang sức tăng 0,28%. Ở chiều ngược lại, giá túi xách, vali, ví giảm 0,18%; đồng hồ đeo tay giảm 0,05%.

12. Chỉ số giá vàng (+1,93%)

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 27/8/2024, bình quân giá vàng thế giới ở mức 2.495,53 USD/ounce, tăng 3,63% so với tháng 7/2024. Giá vàng thế giới tăng khi các nhà đầu tư tin rằng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) có thể hạ lãi suất vào tháng Chín, cùng với đó xung đột địa chính trị trên thế giới và nhu cầu từ các Ngân hàng Trung ương đã đẩy hoạt động mua vàng như một nơi trú ẩn an toàn. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 8/2024 tăng 1,93% so với tháng trước; tăng 20,4% so với tháng 12/2023; tăng 31,05% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 8 tháng năm 2024, chỉ số giá vàng tăng 25,54%.

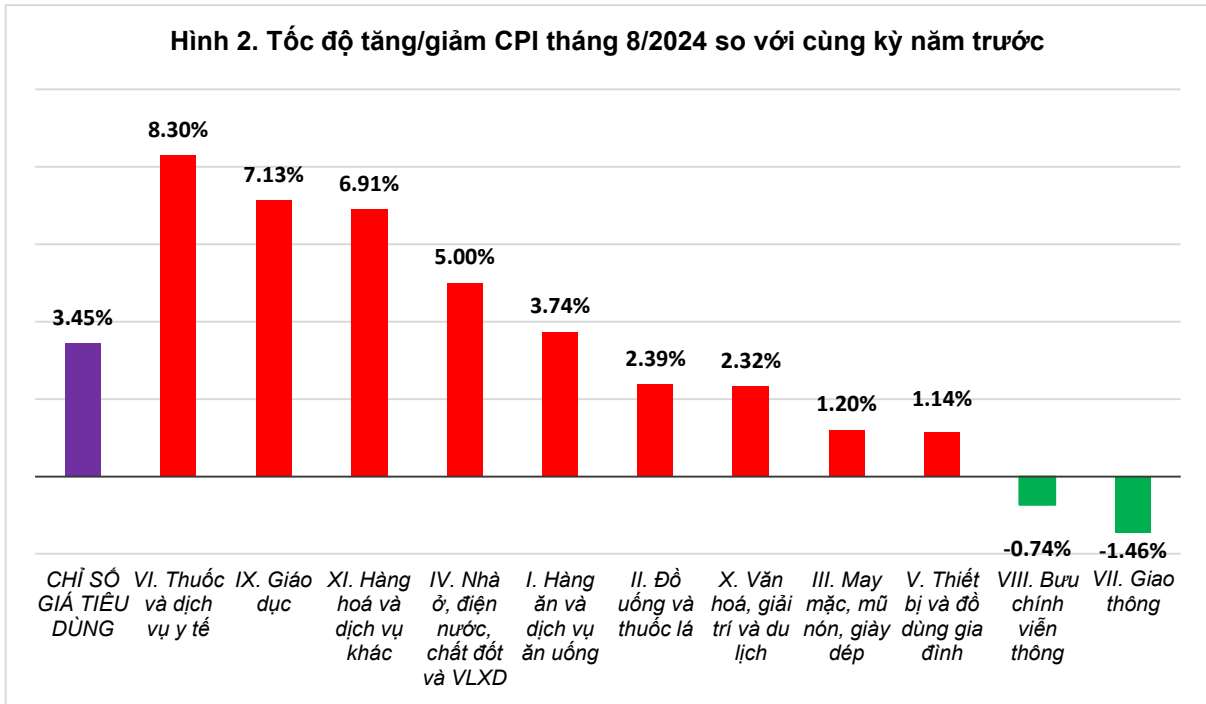
13. Chỉ số giá đô la Mỹ (-0,64%)

Tính đến ngày 27/8/2024, chỉ số đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 102,38 điểm, giảm 1,97% so với tháng trước. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.329 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 8/2024 giảm 0,64% so với tháng trước; tăng 3,55% so với tháng 12/2023; tăng 5,86% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 8 tháng năm 2024 tăng 5,85%.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 8 từ năm 2020 đến năm 2024

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
CPI tháng 8 so với tháng trước	0,07	0,25	0,00	0,88	0,00
CPI tháng 8 so với cùng kỳ năm trước	3,18	2,82	2,89	2,96	3,45
CPI tháng 8 so với tháng 12 năm trước	- 0,12	2,51	3,60	2,02	1,89
CPI bình quân 8 tháng so với cùng kỳ năm trước	3,96	1,79	2,58	3,10	4,04

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 8/2024 tăng 3,45%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính, có 09 nhóm tăng giá và 02 nhóm giảm giá.



Các nhóm hàng có chỉ số giá tháng 8/2024 tăng so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 8,3%, tác động làm CPI chung tăng 0,45 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- Nhóm giáo dục tăng 7,13% làm CPI chung tăng 0,44 điểm phần trăm do trong năm học 2023-2024 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,91%, làm CPI chung tăng 0,24 điểm phần trăm. Trong đó, lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác tăng 17,94%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 6,27%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 2,64%; dịch vụ về hiếu hỉ tăng 2,46%.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5%, tác động làm CPI chung tăng 0,94 điểm phần trăm. Trong đó, giá gas và các loại chất đốt khác tăng 14,07%; nước sinh hoạt tăng 8,53%; điện sinh hoạt tăng 5,45%; nhà ở thuê tăng 3,35%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 2,65%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,74% làm CPI chung tăng 1,25 điểm phần trăm, trong đó giá nhóm lương thực tăng 10,97%; ăn uống ngoài gia đình tăng 3,72%; thực phẩm tăng 2,55%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,39%, làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm, chủ yếu do giá nhân công tăng.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,32%, tác động làm CPI chung tăng 0,11 điểm phần trăm.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,2%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm. Trong đó, giá dịch vụ giày dép tăng 5,65%; dịch vụ may mặc tăng 3,16%; mũ nón tăng 1,77%; vải các loại tăng 1,75%.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,14%, tác động làm CPI chung tăng 0,08 điểm phần trăm. Trong đó, giá hàng thủy tinh, sành sứ tăng 1,66%; giường, tủ, bàn ghế tăng 1,6%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 1,48%; đồ dùng trong nhà tăng 1,31%.

Ở chiều ngược lại, có 2 nhóm hàng giảm giá:

- Nhóm giao thông giảm 1,46%, tác động làm CPI chung giảm 0,14 điểm phần trăm, trong đó xăng, dầu giảm 9,19% và phương tiện đi lại giảm 0,17%.

- Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,74% so với cùng kỳ năm trước do giá điện thoại thế hệ cũ giảm.

So với tháng 12/2023, CPI tháng Tám tăng 1,89%, trong đó có 09 nhóm hàng tăng giá và 02 nhóm hàng giảm giá.

Các nhóm hàng tăng giá:

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,82%, chủ yếu do bảo hiểm y tế tăng theo mức lương cơ sở mới; giá nhóm đồ trang sức tăng theo giá vàng trong nước.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 3,05%, trong đó chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 6,36%; nước sinh hoạt tăng 4,84%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở chính tăng 2,36%; dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 3,03%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 2,94% do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,71% do giá lương thực, thực phẩm và ăn uống ngoài gia đình tăng.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,06% do nhu cầu tăng vào dịp Lễ, Tết và mùa hè.

- Nhóm đồ uống, thuốc lá tăng 1,79% do nhu cầu tiêu dùng tăng.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,89% do nhu cầu sử dụng tăng.

- Nhóm giao thông tăng 0,76% so với tháng 12/2023, chủ yếu do giá vé máy bay, vé tàu hỏa tăng theo nhu cầu sử dụng của người dân.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,43%, trong đó giá dịch vụ giày dép tăng 4,53%; dịch vụ may mặc tăng 2,09%; vải các loại tăng 1,13%; giày dép tăng 0,82%; may mặc khác tăng 0,67%.

Ở chiều ngược lại, có 02 nhóm hàng giảm giá:

- Nhóm giáo dục giảm 3,83% so với tháng 12/2023 do thực hiện Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ, một số địa phương đã điều chỉnh giảm mức học phí sau khi đã thu theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

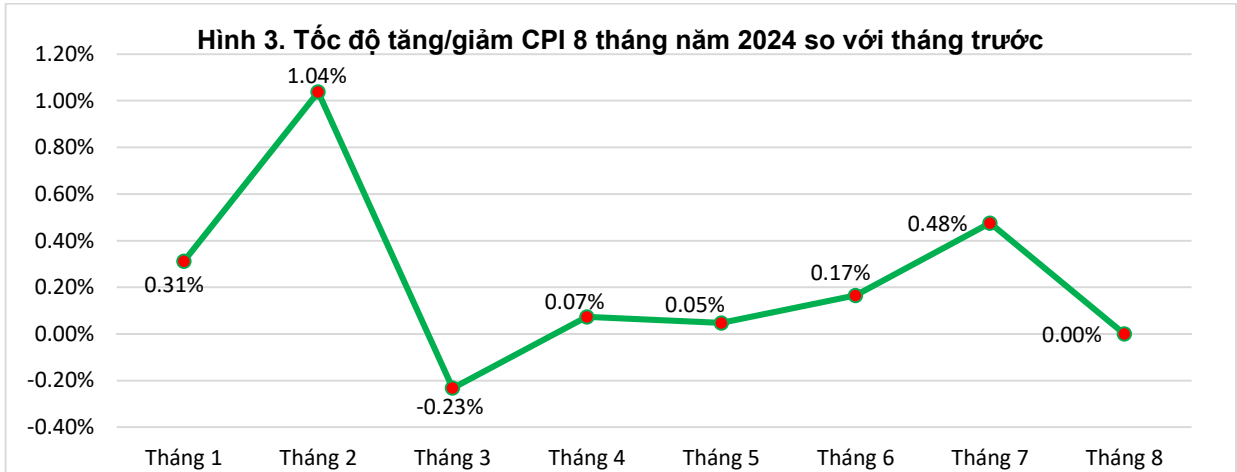
- Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,32% do một số mặt hàng điện thoại thông minh mẫu cũ giảm giá.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 8 THÁNG NĂM 2024

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 8 tháng năm 2024 tăng 4,04% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, diễn biến CPI các tháng và các yếu tố làm tăng, giảm CPI 8 tháng năm 2024 được phân tích chi tiết trong các mục dưới đây.

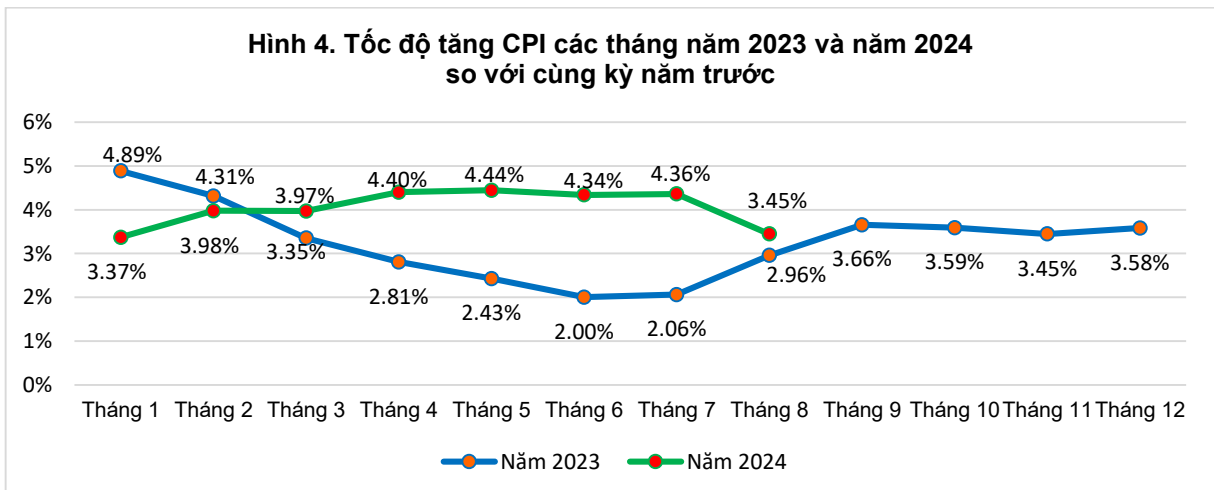
1. Diễn biến giá tiêu dùng 8 tháng năm 2024

1.1. Diễn biến CPI 8 tháng năm 2024 so với tháng trước



So với tháng trước, chỉ số giá tiêu dùng các tháng đầu năm nay có xu hướng tăng, giảm đan xen theo quy luật tiêu dùng trước, trong và sau Tết Nguyên đán. Tháng 01/2024, CPI tăng 0,31% do một số địa phương thực hiện tăng giá dịch vụ y tế, Tập đoàn Điện lực Việt Nam điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và giá gạo trong nước tiếp tục tăng theo giá gạo xuất khẩu. Sang tháng 02/2024, CPI tăng cao nhất 1,04% do là tháng có Tết Nguyên đán Giáp Thìn nên nhu cầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ của người dân tăng cao, giá gạo, giá xăng dầu tăng theo giá thế giới. Tháng 3/2024, CPI giảm 0,23% do nhu cầu của người dân giảm sau dịp Tết Nguyên đán, đặc biệt là lương thực, thực phẩm. Từ tháng 4/2024 đến tháng 7/2024, CPI liên tục tăng lần lượt là 0,07%; 0,05%; 0,17% và 0,48% chủ yếu do giá gạo, thịt lợn, xăng dầu, điện sinh hoạt và bảo hiểm y tế tăng. Sang tháng 8/2024, chỉ số giá tiêu dùng ổn định so với tháng trước. Trong 8 tháng năm 2024, bình quân mỗi tháng CPI tăng 0,23% so với tháng trước.

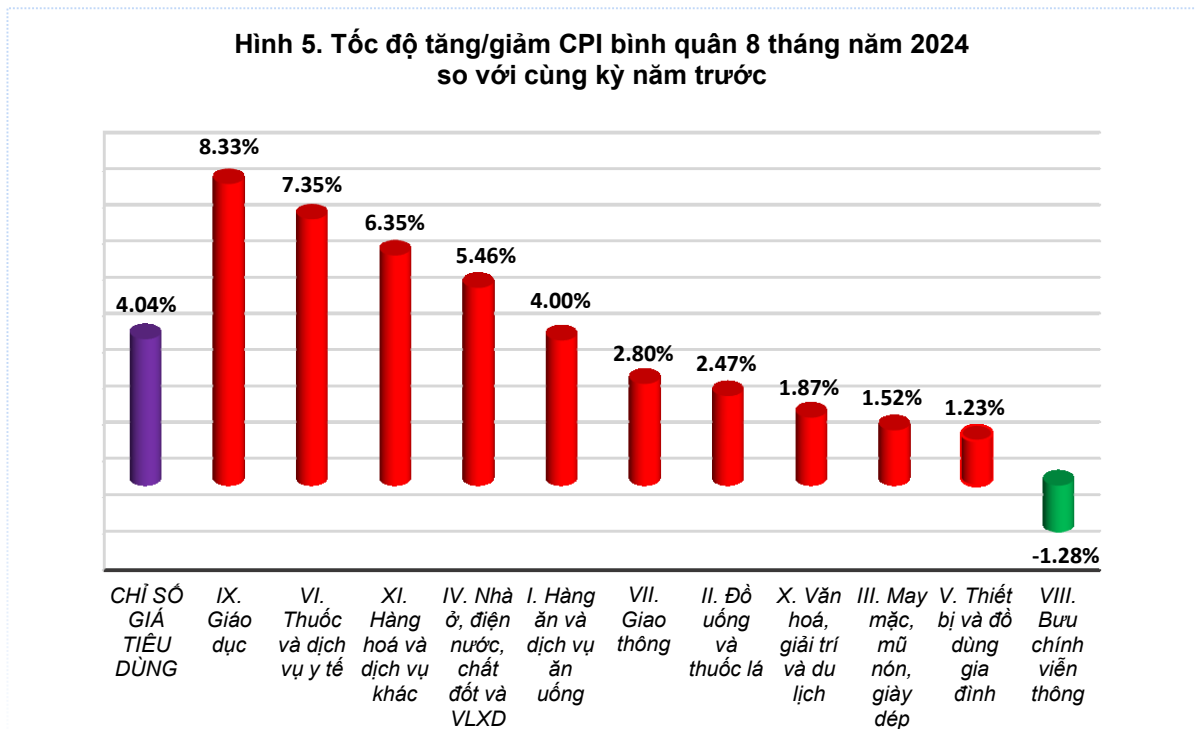
1.2. Diễn biến CPI 8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



So với cùng kỳ năm trước, ngược với năm 2023, CPI năm tháng đầu năm 2024 có xu hướng tăng cao dần, từ mức 3,37% của tháng Một lên mức cao nhất 4,44% vào tháng Năm. Sang tháng Sáu và tháng Bảy, mức tăng CPI có xu hướng giảm nhẹ xuống còn 4,34% và 4,36% mặc dù trên nền hai tháng có mức tăng thấp nhất của năm 2023. Tháng Tám, mức tăng CPI tiếp tục xu hướng giảm, chỉ tăng 3,45% so với tháng 8/2023.

Tính chung 8 tháng năm nay, CPI tăng 4,04% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng giá khi giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Lễ, Tết cùng với giá thịt lợn tăng; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng; trong năm học 2023-2024 và 2024-2025, một số địa phương đã tăng mức học phí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế và bảo hiểm y tế tăng theo lương cơ sở.

2. Yếu tố làm tăng CPI 8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



- Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống bình quân 8 tháng năm 2024 tăng 4% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,34 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá:

Nhóm lương thực tăng 14,98%, tác động làm CPI tăng 0,55 điểm phần trăm, trong đó giá gạo tăng 19,95% theo giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Lễ, Tết, làm CPI chung tăng 0,51 điểm phần trăm;

Nhóm thực phẩm tăng 2,2%, làm CPI chung tăng 0,47 điểm phần trăm;

Nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 4,06%, làm CPI chung tăng 0,35 điểm phần trăm do nhu cầu tiêu dùng và chi phí nhân công tăng.

- Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,46% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,03 điểm phần trăm, chủ yếu do chỉ số giá nhà ở thuê và nhà chủ sở hữu tính quy đổi tăng 4,71%, tác động làm CPI tăng 0,49 điểm phần trăm; chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 8,41% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với việc EVN điều chỉnh mức bán lẻ giá điện bình quân trong năm 2023 làm CPI chung tăng 0,28 điểm phần trăm. Bên cạnh đó, chỉ số giá nước sinh hoạt bình quân 8 tháng tăng 9,89% so với cùng kỳ năm trước.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 8,33% do trong năm học 2023-2024 và 2024-2025 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí, làm CPI chung tăng 0,51 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,35%, tác động làm CPI chung tăng 0,4 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- Chỉ số giá nhóm giao thông tăng 2,8%, tác động làm CPI chung tăng 0,27 điểm phần trăm, chủ yếu do giá xăng và dầu diesel tăng 1,9%.

3. Yếu tố làm giảm CPI 8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông 8 tháng năm 2024 giảm 1,28% so với cùng kỳ năm trước do giá điện thoại thể hệ cũ giảm khi các doanh nghiệp áp dụng chương trình giảm giá, kích cầu đối với các dòng điện thoại thông minh đưa ra thị trường sau một thời gian.

III. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản⁴ tháng 8/2024 tăng 0,24% so với tháng trước, tăng 2,53% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 8 tháng năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,71% so với cùng kỳ năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (4,04%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế và xăng dầu là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Tám và 8 tháng từ năm 2020 đến năm 2024

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Lạm phát cơ bản tháng 8 so với tháng trước	- 0,01	- 0,02	0,40	0,32	0,24
Lạm phát cơ bản tháng 8 so với cùng kỳ năm trước	2,16	0,98	3,06	4,02	2,53
Lạm phát cơ bản 8 tháng so với cùng kỳ năm trước	2,66	0,90	1,64	4,57	2,71

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

⁴ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.